

2021年  
平和祈願ミサ  
MASS FOR PEACE MISA POR LA PAZ  
THÁNH LỄ CẦU NGUYỆN CHO HÒA BÌNH

司式／ヨゼフ・アベイヤ司教

2021年8月9日（月）

福岡カテドラル大名町教会

August 9, 2021

Fukuoka Cathedral Daimyo-machi Catholic Church

開 祭  
INTRODUCTORY RITES  
RITOS INICIALES

入祭唱 ENTRANCE SONG CANTICO DE ENTRADA

回 心 PENITENTIAL RITE ACTO PENITENCIAL

あわれみの賛歌 KYRIE

栄光の賛歌 GLORIA

集会祈願

正義と平和の源である神よ、あなたは争いを憎み、思い上がる者を打ち砕かれます。世界を悪の力から守り、苦しみと涙をわたしたちから取り除いてください。すべての人があなたの子どもとして平和のうちに生きることができるよう。

聖霊の交わりの中で、あなたとともに世々に生き支配しておられる御子、わたしたちの主イエス・キリストによって。アーメン。

Opening Prayer

Lord, source of justice and peace, you hate the war, bring down people who are conceited. Protect the world from the power of evil, wipe away the suffering and tears from us. May all people live in peace as your children.

We ask this through our Lord Jesus Christ your Son who lives and reigns with you and the Holy Spirit, One God for ever and ever. Amen.

ことばの典礼  
LITURGY OF THE WORD LITURGIA DE LA PALABRA

第1朗読（コロサイ 3,12-15）

使徒パウロのコロサイの教会への手紙

[皆さん、]あなたがたは神に選ばれ、聖なる者とされ、愛されているのですから、憐みの心、慈愛、謙遜、柔和、寛容を身に着けなさい。互いに忍び合い、責めるべきことがあっても、赦し合いなさい。主があなたがたを赦してくださったように、あなたがたも同じようにしなさい。これらすべてに加えて、愛を身に着けなさい。愛は、すべてを完成させるきずなです。また、キリストの平和があなたの方の心を支配するようにしなさい。この平和にあずからせるために、あなたがたは招かれて一つの体とされたのです。いつも感謝していなさい。

## FIRST READING (Col. 3, 12-15)

### *A reading from the letter of St. Paul to the Colossians*

[Brothers and sisters,] because you are God's chosen one's holy and beloved, clothe yourself with heartfelt mercy, with kindness, humility, meekness, and patience. Bear with one another, forgive whatever grievances you have against one another. Forgive as the Lord has forgiven you. Over all these virtues put on love, which binds the rest together and makes them perfect. Christ's peace must reign in your hearts, since as members of one body you have been called to that peace. Dedicate yourselves to thankfulness.

## PRIMERA LECTURA (Col. 3, 12-15)

### *Carta a los Colosenses*

Pónganse, pues, el vestido que conviene a los elegidos de Dios, sus santos muy queridos: la compasión tierna, la bondad, la humildad, la mansedumbre, la paciencia. Sopórtense y perdónense unos a otros si uno tiene motivo de queja contra otro. Como el Señor los perdonó, a su vez hagan ustedes lo mismo. Por encima de esta vestidura pondrán como cinturón el amor, para que el conjunto sea perfecto. Así la paz de Cristo reinará en sus corazones, pues para esto fueron llamados y reunidos. Finalmente, sean agradecidos.

## BÀI ĐỌC I

### *Bài trích thư của thánh Phao-lô tông đồ gửi tín hữu Cô-lô-xê:*

Anh em là những người được Thiên Chúa tuyển lựa, hiến thánh và yêu thương. Vì thế, anh em hãy có lòng thương cảm, nhân hậu, khiêm nhu, hiền hoà và nhẫn nại. Hãy chịu đựng và tha thứ cho nhau, nếu trong anh em người này có điều gì phải trách móc người kia. Chúa đã tha thứ cho anh em, thì anh em cũng vậy, anh em phải tha thứ cho nhau. Trên hết mọi đức tính, anh em phải có lòng bác ái: đó là mối dây liên kết tuyệt hảo. Ước gì ơn bình an của Đức Ki-tô điều khiển tâm hồn anh em, vì trong một thân thể duy nhất, anh em đã được kêu gọi đến hưởng ơn bình an đó. Bởi vậy, anh em hãy hết dạ tri ân.

## 答唱詩編 (詩編 85、9-11)

答唱句 神よ わたしに目を注ぎ、強めてください手をさしのべて

1. 神の語られることばを聞こう、神は平和を約束される。

その民 神に従う民に、心を神に向ける人に。 答唱句

2. 救いは神をおそれる人に近く、栄光はわたしたちの地に住む。

いつくしみと まことはめぐり合い、正義と平和は抱き合う。 答唱句

## RESPONSORIAL PSALMS (Ps 85, 9-11)

I will hear what the Lord God has to say, a voice that speaks of peace,  
peace for his people and his friends and those who turn to him in their hearts.

His help is near for those who fear him and his glory will dwell in our land.

Mercy and faithfulness have met; justice and peace have embraced.

## SALMO RESPONSORIAL (Ps 85, 9-11)

Quiero escuchar lo que dice el Señor, pues Dios habla de paz a su pueblo y a sus servidores, con tal que en su locura no recaigan.

"Cerca está su salvación de los que le temen y habitará su Gloria en nuestra tierra.

La Gracia y la Verdad se han encontrado, la Justicia y la Paz se han abrazado;

## ĐÁP CA 86 [85] : 9-11)

Lạy Chúa, muôn dân chính tay Ngài tạo dựng  
sẽ về phủ phục trước Thánh Nhan, và tôn vinh danh Ngài.

Vì Ngài thật cao cả, và làm nên những việc lạ lùng;  
chỉ một mình Ngài là Thiên Chúa.

Xin dạy con đường lối Ngài, lạy CHÚA,  
để con vững bước theo chân lý của Ngài.  
Xin Chúa hướng lòng con,  
để con biết một niềm kính tôn Danh Thánh.

**アレルヤ唱** (マタイ 5,3)

アレルヤ、アレルヤ。こころの貧しい人は幸い 天の国はその人のもの。アレルヤ、アレルヤ。

**ALLELUIA** (Mt 5,3)

Alleluia! Blessed are the poor in spirit: the kingdom of Heaven is theirs. Alleluia!

**福音** (マタイ 5, 1-12)

**マタイによる福音**

[そのとき、]イエスは群衆を見て、山に登られた。腰を下ろされると、弟子たちが近くに集まって来た。そこで、イエスは口を開き、教えられた。

「こころの貧しい人々は幸いである、天の国はその人たちのものである。

悲しむ人々は、幸いである、その人たちは慰められる。

柔和な人々は、幸いである、その人たちは地を受け継ぐ。

義に飢え渇く人々は、幸いである、その人たちは満たされる。

憐れみ深い人々は、幸いである、その人たちは憐れみを受ける。

心の清い人々は、幸いである、その人たちは神を見る。

平和を実現する人々は、幸いである、その人たちは神の子と呼ばれる。

義のために迫害される人々は、幸いである、天の国はその人たちのものである。

わたしのためにののしられ、迫害され、身に覚えのないことであらゆる悪口を浴びせられるとき、あなたがたは幸いである。喜びなさい。大いに喜びなさい。天には大きな報いがある。

あなたがたより前の預言者たちも、同じように迫害されたのである。」

**GOSPEL** (Mt. 5, 1-12)

***A reading from the Holy Gospel according to Matthew***

[At that time,] seeing the crowds, Jesus went onto the mountain. And when he was seated his disciples came to him. Then he began to speak. This is what he taught them:

How blessed are the poor in spirit: the kingdom of Heaven is theirs.

Blessed are the gentle: they shall have the earth as inheritance.

Blessed are those who mourn: they shall be comforted.

Blessed are those who hunger and thirst for uprightness: they shall have their fill.

Blessed are the merciful: they shall have mercy shown them.

Blessed are the pure in heart: they shall see God.

Blessed are the peacemakers: they shall be recognized as children of God.

Blessed are those who are persecuted in the cause of uprightness: the kingdom of Heaven is theirs.

Blessed are you when people abuse and persecute you and speak all kinds of calumny against you falsely on my account. Rejoice and be glad, for your reward will be great in heaven; this is how they persecuted the prophets before you.

**EVANGELIO** (Mt. 5, 1-12)

***Evangelio según San Mateo***

Jesús, al ver toda aquella muchedumbre, subió al monte. Se sentó y sus discípulos se reunieron a su alrededor. Entonces comenzó a hablar y les enseñaba diciendo:

«Felices los que tienen el espíritu del pobre, porque de ellos es el Reino de los Cielos.

Felices los que lloran, porque recibirán consuelo.

Felices los pacientes, porque recibirán la tierra en herencia.

Felices los que tienen hambre y sed de justicia, porque serán saciados.

Felices los compasivos, porque obtendrán misericordia.

Felices los de corazón limpio, porque verán a Dios.

Felices los que trabajan por la paz, porque serán reconocidos como hijos de Dios.

Felices los que son perseguidos por causa del bien, porque de ellos es el Reino de los Cielos.

Felices ustedes, cuando por causa mía los insulten, los persigan y les levanten toda clase de calumnias.

Alégrese y muéstrense contentos, porque será grande la recompensa que recibirán en el cielo.

Pues bien saben que así persiguieron a los profetas que vivieron antes de ustedes.

**TIN MỪNG**

***Tin Mừng Chúa Giê-su Ki-tô theo thánh Mát-thêu.***

Thấy đám đông, Đức Giê-su lên núi. Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên.

Người mở miệng dạy họ rằng:

“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,  
vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành,  
vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

Phúc thay ai khát khao nên người công chính,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.

Phúc thay ai xót thương người,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,  
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

Phúc thay ai xây dựng hoà bình,  
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,  
vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hớn hởi, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao.

Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế.

**說 教 HOMILY HOMILIA**

**共同祈禱 GENERAL INTERCESSIONS ORACION UNIVERSAL**

**感謝の典礼**  
**LITURGY OF THE EUCHARIST LITURGIA EUCARISTICA**

**奉納祈願**

聖なる父よ、御子イエスは、わたしたちの間から憎しみを除くために、尊い血を流されました。このささげものを受け入れ、争い悩む世界に和解と平和の恵みをお与えください。わたしたちの主イエス・キリストによって。アーメン。

**Prayer over the gifts**

Holy Father, in order to take away hatred from us, Your Son had to pour His blood. According these gifts, help us to rebuild the world, which is suffering from wars and division, with your reconciliation and peace. We ask this through Christ our Lord. Amen.

**叙唱 PREFACE PREFACIO**

**感謝の賛歌 SANCTUS SANTO**

**主の祈り LORD'S PRAYER PADRE NUESTRO**

**平和のあいさつ SIGN OF PEACE RITO DE LA PAZ**

**平和の賛歌 AGNUS DEI**

**聖体拝領 COMMUNION**

**拝領祈願**

全能の神よ、一つのパンで養われたわたしたちの心を強めてください。対立を乗り越え、あなたの愛と正義に従って、平和な世界を築くことができますように。わたしたちの主イエス・キリストによって。アーメン。

**Prayer after communion**

Almighty God, strengthen our hearts with the one bread we all had. Help us to overcome the conflicts in following love and justice, in order to build a peaceful world. We ask this through Christ our Lord. Amen.

**閉 祭**  
**CONCLUDING RITE RITO DE CONCLUSION**

**派遣の祝福 BLESSING BENDICION**

**閉祭のあいさつ DISMISSAL DESPEDIDA**